

**CÔNG TY CỔ PHẦN LIFECARE**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN LIFECARE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LIFECARE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109760697

**3. Ngày thành lập:** 01/10/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 23, ngõ 82 phố Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0968905704

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu<br>Chi tiết: Hoạt động của cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc<br>(Điều 43 Luật Dược năm 2016)                                                                                  | 2100     |
| 2.  | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng<br>Chi tiết: - Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế;<br>(Khoản 5 Điều 1 Nghị định 169/2018/NĐ-CP)<br>- Sản xuất dụng cụ chỉnh hình, phục hồi chức năng | 3250     |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 3. | <p>Sản xuất khác chưa được phân vào đầu</p> <p>Chi tiết: - Sản xuất trang thiết bị bảo vệ an toàn như:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sản xuất quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn,</li> <li>+ Sản xuất dây bảo hiểm cho người sửa chữa điện hoặc các dây bảo vệ cho các ngành nghề khác,</li> <li>+ Sản xuất phao cứu sinh,</li> <li>+ Sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ cá nhân khác (ví dụ mũ thể thao),</li> <li>+ Sản xuất quần áo amiăng (như bộ bảo vệ chống cháy),</li> <li>+ Sản xuất mũ bảo hiểm kim loại và các thiết bị bảo hiểm cá nhân bằng kim loại khác,</li> <li>+ Sản xuất nút tai và nút chống ồn (cho bơi lội và bảo vệ tiếng ồn),</li> <li>+ Sản xuất mặt nạ khí ga.</li> </ul> <p>- Sản xuất chổi, bàn chải bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn chải sàn cơ khí điều khiển bằng tay, giẻ lau, máy hút bụi lông, chổi vẽ, trục lăn, giấy thấm sơn, các loại chổi, bàn chải khác...</p> <p>- Sản xuất bàn chải giày, quần áo;</p> <p>- Sản xuất bút và bút chì các loại bằng cơ khí hoặc không;</p> <p>- Sản xuất lõi bút chì;</p> <p>- Sản xuất tem ghi số, tem gắn, ghi ngày, các thiết bị in ấn điều khiển bằng tay hoặc các tem rập nổi, các thiết bị in bằng tay, lõi mực in và ribbon máy tính;</p> <p>- Sản xuất găng tay;</p> <p>- Sản xuất ô, ô đi nắng, gậy đi bộ;</p> <p>- Sản xuất các nút, khóa ấn, khoá móc, khoá trượt;</p> <p>- Sản xuất tàu hút xì gà;</p> <p>- Sản xuất các sản phẩm cho con người: Tàu hút, lược, bình xịt nước hoa, lọ chân không và các bình chân không khác dùng cho cá nhân hoặc gia đình, tóc giả, râu giả, mi giả, bút kẻ lông mày;</p> <p>- Sản xuất các sản phẩm khác: Nến, dây nến và các thứ tương tự; hoa giả, vòng hoa, giỏ hoa, hoa nhân tạo, lá quả, vật lạ, vật gây cười, sàng, sậy, manơ canh...</p> <p>- Hoạt động nhồi bông thú,</p> | 3290 |
| 4. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4721 |
| 5. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4722 |
| 6. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4723 |
| 7. | <p>Cổng thông tin</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết lập trang mạng xã hội;</li> <li>- Thiết lập trang tin điện tử tổng hợp (Khoản 7 Điều 1 Nghị định 27/2018/NĐ-CP)</li> <li>- Cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử (Điều 35 Nghị định 52/2013 NĐ-CP)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6312 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>(Loại trừ hoạt động của các trung tâm giới thiệu, môi giới lao động, việc làm)                                                                                                                                                     | 7810 |
| 9.  | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7820 |
| 10. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7830 |
| 11. | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)<br>(Điều 3 Nghị định 96/2016/NĐ-CP)                                                                                                                                                                                           | 9610 |
| 12. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4690 |
| 13. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa;<br>- Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                       | 4610 |
| 14. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Không bao gồm đấu giá bán lẻ qua internet)                                                                                                                                                                                                                      | 4791 |
| 15. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Môi giới chuyển giao công nghệ.<br>- Tư vấn chuyên gia công nghệ.<br>- Đánh giá công nghệ.<br>- Thẩm định giá công nghệ.<br>- Giám định công nghệ.<br>- Xúc tiến chuyển giao công nghệ.<br>(Điều 45 Luật chuyển giao công nghệ 2017) | 7490 |
| 16. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7120 |
| 17. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                              | 7730 |
| 18. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7710 |
| 19. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                         | 8299 |
| 20. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(trừ hợp báo)                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8230 |
| 21. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7320 |
| 22. | Thu gom rác thải độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3812 |
| 23. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3821 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 24. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế.<br>- Kinh doanh trang thiết bị y tế (Điều 1 Nghị định 169/2018/NĐ-CP)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); | 4659        |
| 25. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán thuốc đông y, bán thuốc nam trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>(Điều 32 Nghị định 54/2017/NĐ-CP)<br>- Mua bán trang thiết bị y tế (Điều 1 Nghị định 169/2018/NĐ-CP)<br>- Bán lẻ dụng cụ, thiết bị y tế và chỉnh hình;                                                            | 4772        |
| 26. | Hoạt động chăm sóc sức khỏe người có công, người già và người khuyết tật không có khả năng tự chăm sóc<br>( Trừ hoạt động chăm sóc sức khỏe người có công)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8730        |
| 27. | Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8620(Chính) |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN<br>THÁI BÌNH | Thôn 3, Xã Vạn<br>Phúc, Huyện<br>Thanh Trì, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam       | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 300.000       | 3.000.000.000            | 60,000       | 0750860003<br>66                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Tổng số                            | 300.000       | 3.000.000.000            | 60,000       |                                                                                                                        |            |
| 2   | TRẦN THỊ<br>TOÀN    | Tổ 8, Phường Sài<br>Đồng, Quận Long<br>Biên, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam         | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 150.000       | 1.500.000.000            | 30,000       | 0301830000<br>35                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Tổng số                            | 150.000       | 1.500.000.000            | 30,000       |                                                                                                                        |            |

|   |               |                                                                                                |                           |        |             |        |              |  |
|---|---------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|--|
| 3 | TRẦN VĂN LĂNG | Khu dân cư Bích Động – Tân Tiến, Phường Cộng Hòa, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 50.000 | 500.000.000 | 10,000 | 030076000658 |  |
|   |               |                                                                                                | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |               |                                                                                                | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |               |                                                                                                | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |               |                                                                                                | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |               |                                                                                                | Tổng số                   | 50.000 | 500.000.000 | 10,000 |              |  |
|   |               |                                                                                                |                           |        |             |        |              |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THÁI BÌNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/06/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 075086000366

Ngày cấp: 21/07/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Thôn 3, Xã Vạn Phúc, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn 3, Xã Vạn Phúc, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội